



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN  
Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.0000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2017: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 44 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                           |              |                              |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn So       | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Trần Ngọc Trang     | Thành viên   | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà      | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015     |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển   | Thành viên   | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015     |

### **Ban kiểm soát**

- |                      |            |                              |
|----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Bùi Đình Thiện | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Lê Trung Nhân  | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Trần Hữu Sơn   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/02/2015     |

### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                         |                |                              |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn So     | Giám đốc       | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà    | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Đức Thành  | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Nguyễn Văn So**

*Bình Thuận, ngày 08 tháng 08 năm 2017*

Số: 865 /BCSX-AAC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Thuận**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 20/07/2017 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 30.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

---

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1  
Đà Nẵng, ngày 08 tháng 08 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>23.658.907.045</b>	<b>15.967.446.091</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.554.893.864</b>	<b>8.038.454.287</b>
1. Tiền	111		1.554.893.864	2.038.454.287
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.689.626.005</b>	<b>4.420.458.677</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.152.075.374	3.566.645.516
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.477.215	563.988
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7.a	1.767.200.677	475.330.142
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	757.872.739	377.919.031
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>10.391.637.176</b>	<b>3.508.533.127</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.391.637.176	3.528.308.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(19.775.585)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.750.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	22.750.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.785.451.087</b>	<b>1.872.471.668</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>14.430.222</b>	<b>18.754.231</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7.b	14.430.222	18.754.231
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.043.100.865</b>	<b>1.125.797.437</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.043.100.865	1.125.797.437
- Nguyên giá	222		3.611.589.736	3.611.589.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.568.488.871)	(2.485.792.299)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>727.920.000</b>	<b>727.920.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>25.444.358.132</b>	<b>17.839.917.759</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.232.008.316</b>	<b>4.411.186.743</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.232.008.316</b>	<b>4.411.186.743</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.513.145.372	2.938.084.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	35.246.139	32.750.542
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	130.775.935	366.490.201
4. Phải trả người lao động	314		-	325.098.705
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	40.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.261.687	5.693.908
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	386.562.030	358.836.820
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		161.017.153	344.232.153
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>13.212.349.816</b>	<b>13.428.731.016</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>13.212.349.816</b>	<b>13.428.731.016</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414	19	112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	1.596.016.760	1.596.016.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	503.923.045	720.304.245
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	60.304.245	56.012.565
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	443.618.800	664.291.680
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>25.444.358.132</b>	<b>17.839.917.759</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 20 tháng 07 năm 2017



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	17.848.836.347	20.184.534.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	28.064.463	383.779.164
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		17.820.771.884	19.800.755.551
4. Giá vốn hàng bán	11	23	15.089.428.268	16.852.187.415
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2.731.343.616</b>	<b>2.948.568.136</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	204.462.998	242.769.528
7. Chi phí tài chính	22	25	265.800.600	457.484.708
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	8.257.500	50.737.644
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	1.610.974.101	1.434.223.041
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	515.534.521	585.860.459
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>543.497.392</b>	<b>713.769.456</b>
11. Thu nhập khác	31	27	9.650.151	5.402.153
12. Chi phí khác	32		351.798	57.630
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>9.298.353</b>	<b>5.344.523</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>552.795.745</b>	<b>719.113.979</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	109.176.945	143.988.396
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>443.618.800</b>	<b>575.125.583</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	403	523
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	403	523

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 20 tháng 07 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		12.794.045.275	15.253.862.410
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(15.196.751.948)	(20.608.966.898)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.416.353.667)	(1.459.869.600)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	25	(8.257.500)	(44.497.944)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(85.346.082)	(60.192.456)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		396.909.225	1.206.081.098
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.253.332.169)	(1.558.061.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(4.769.086.866)</b>	<b>(7.271.644.696)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(1.530.000.000)	(90.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	242.453.506	274.652.340
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 24	205.347.727	156.790.017
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.082.198.767)</b>	<b>341.442.357</b>
<b>1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	18	132.725.210	5.251.449.865
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(105.000.000)	(5.250.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(660.000.000)	(660.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(632.274.790)</b>	<b>(658.550.135)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(6.483.560.423)</b>	<b>(7.588.752.474)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.038.454.287	8.197.397.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>1.554.893.864</b>	<b>608.645.525</b>

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyển

Nguyễn Khoa Tuyển

Bình Thuận, ngày 20 tháng 07 năm 2017

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/10/2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh sách và thiết bị trường học.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mớ siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 (bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

##### **Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác**

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### **Dự phòng**

Dự phòng đối với đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho tại Nhà sách được tính theo phương pháp giá bán lẻ. Tại các Kho Công ty, hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4.9 Vay và các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.10 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

### **4.15 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	109.583.000	271.247.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.445.310.864	1.767.207.287
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	-	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.554.893.864</b>	<b>8.038.454.287</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 6. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Phát hành sách TP.HCM (FAHASA)	839.186.160	-
Bưu điện tỉnh Bình Thuận -CN TCTY Bưu điện VN	800.550.065	-
Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Thuận	44.656.405	493.230.104
Các đối tượng khác	7.467.682.744	3.073.415.412
<b>Cộng</b>	<b>9.152.075.374</b>	<b>3.566.645.516</b>

### 7. Phải thu về cho vay

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam (i)	1.500.000.000	-
Xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết	-	100.000.000
Cán bộ công nhân viên (ii)	267.200.677	375.330.142
<b>Cộng</b>	<b>1.767.200.677</b>	<b>475.330.142</b>

(i) Cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam vay theo Hợp đồng vay vốn số 45/HĐVV ngày 20/01/2017, số tiền: 1.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay 3 tháng, lãi suất cho vay là 7%/năm.

(ii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất cho vay từ 8%-10%/năm.

**Comment [THÚY (C)1]:** Xem ds ở dạng chốt quyền, kèm tra sách miền nam và các cá nhân đi vay cũ tồn trong ds ở dạng ko?  
>> TL: Cơ sở nhận đi vay trốn danh sách ở dạng, vi phạm TT 121, cuối năm viết thư quản lý.

#### b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Cán bộ công nhân viên (ii)	14.430.222	18.754.231
<b>Cộng</b>	<b>14.430.222</b>	<b>18.754.231</b>

(iii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**c. Phải thu về cho vay với các bên liên quan**

Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam		
Chung Công ty đầu tư	1.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>102.500.100</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	44.050.000	-
Tạm ứng	43.137.900	-	43.418.584	-
Ký quỹ	249.266.947	-	280.450.447	-
Phải thu của người lao động	421.467.892	-	-	-
Phải thu khác	44.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>757.872.739</b>	<b>-</b>	<b>377.919.031</b>	<b>-</b>

**9. Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	10.391.637.176	-	3.528.308.712	(19.775.585)
<b>Cộng</b>	<b>10.391.637.176</b>	<b>-</b>	<b>3.528.308.712</b>	<b>(19.775.585)</b>

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, khó có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2017.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí in hóa đơn	22.750.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.750.000</b>	<b>-</b>

#### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	2.195.322.085	1.082.872.651	333.395.000	3.611.589.736
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.195.322.085</b>	<b>1.082.872.651</b>	<b>333.395.000</b>	<b>3.611.589.736</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.583.653.806	568.743.493	333.395.000	2.485.792.299
Khấu hao trong kỳ	20.739.462	61.957.110	-	82.696.572
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.604.393.268</b>	<b>630.700.603</b>	<b>333.395.000</b>	<b>2.568.488.871</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	611.668.279	514.129.158	-	1.125.797.437
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>590.928.817</b>	<b>452.172.048</b>	<b>-</b>	<b>1.043.100.865</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 1.404.203.501 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2017.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Mua trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.000.000</b>	<b>83.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.000.000</b>	<b>83.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 83.000.000 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2017.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2017			01/01/2017	
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				727.920.000	-		727.920.000	-
- Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-
- Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD) (ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	449.316.000	427.920.000	-
<b>Cộng</b>				<b>727.920.000</b>	<b>-</b>		<b>727.920.000</b>	<b>-</b>

- (i) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do không thu thập được nguồn dữ liệu tin cậy về thị giá cổ phiếu.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận được xác định căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu BMD tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/06/2017. Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty này.

**Comment [THÚY (C)2]:** ừa như trốn bàn thảo  
>> Để sửa

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.402.575.831	17.133.560
Công ty CP Sách -Thiết bị Miền Nam	2.582.843.989	54.082.440
Các đối tượng khác	4.527.725.552	2.866.868.414
<b>Cộng</b>	<b>11.513.145.372</b>	<b>2.938.084.414</b>

#### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	145.240.565	92.775.885
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	440.246.112	224.038.293
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	2.582.843.989	54.082.440
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	4.402.575.831	17.133.560
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	73.771.680	174.330.790
<b>Cộng</b>		<b>7.644.678.177</b>	<b>562.360.968</b>

#### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Đăng Nguyên	6.652.457	-
Trường Tiểu học Phước Thê 2	6.277.000	2.456.000
Trường Tiểu học Đức Tín 1	5.142.000	-
Các đối tượng khác	17.174.682	30.294.542
<b>Cộng</b>	<b>35.246.139</b>	<b>32.750.542</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	273.610.448	84.474.455	312.664.642	45.420.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.089.327	109.176.945	85.346.082	77.920.190
Thuế thu nhập cá nhân	38.790.426	62.020.375	93.375.317	7.435.484
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>366.490.201</b>	<b>260.671.775</b>	<b>496.386.041</b>	<b>130.775.935</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Bảo hiểm xã hội	5.261.687	5.693.908
<b>Cộng</b>	<b>5.261.687</b>	<b>5.693.908</b>

### 18. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn (Cán bộ công nhân viên)	358.836.820	132.725.210	105.000.000	386.562.030
<b>Cộng</b>	<b>358.836.820</b>	<b>132.725.210</b>	<b>105.000.000</b>	<b>386.562.030</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	11.000.000.000	112.410.011	1.576.016.760	716.012.565	<b>13.404.439.336</b>
Tăng trong kỳ	-	-	20.000.000	1.514.291.680	1.534.291.680
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.510.000.000	1.510.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.596.016.760</b>	<b>720.304.245</b>	<b>13.428.731.016</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.596.016.760</b>	<b>720.304.245</b>	<b>13.428.731.016</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	443.618.800	443.618.800
Giảm trong kỳ	-	-	-	660.000.000	660.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2017</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>1.596.016.760</b>	<b>503.923.045</b>	<b>13.212.349.816</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>660.000.000</b>	<b>660.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**d. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.100.000</i>	<i>1.100.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>6 tháng đầu</b>	<b>6 tháng đầu</b>
	<b>năm 2017</b>	<b>năm 2016</b>
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	720.304.245	716.012.565
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	443.441.701	575.125.583
Phân phối lợi nhuận	660.000.000	660.000.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	660.000.000	660.000.000
+ <i>Trả cổ tức cho các cổ đông</i>	<i>660.000.000</i>	<i>660.000.000</i>
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b><u>503.745.946</u></b>	<b><u>631.138.148</u></b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 55/NQ-ĐHCD – 2017 ngày 25/03/2017.

**f. Cổ tức**

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 25/03/2017 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2016 là 11% vốn điều lệ, tương ứng 1.210.000.000 đồng. Theo đó, sau khi trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2016 là 550.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức còn lại là 660.000.000 đồng trong 6 tháng năm 2017.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Gia An 3	5.032.200	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Đặng Trương Hoàng Nhụy	6.672.000	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	Nợ không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b>156.141.453</b>	

### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán sách giáo khoa	10.935.156.664	11.469.508.789
Doanh thu bán sách tham khảo	586.118.195	684.119.406
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	2.967.600.243	4.588.305.328
Doanh thu bán hàng hóa khác	3.359.961.245	3.442.601.192
<b>Cộng</b>	<b>17.848.836.347</b>	<b>20.184.534.715</b>

### 22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	28.064.463	383.779.164
<b>Cộng</b>	<b>28.064.463</b>	<b>383.779.164</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa	9.710.402.106	10.061.306.041
Giá vốn sách tham khảo	386.875.514	463.406.958
Giá vốn thiết bị giáo dục	2.303.130.505	3.415.672.855
Giá vốn hàng hóa khác	2.689.020.143	2.911.801.561
<b>Cộng</b>	<b>15.089.428.268</b>	<b>16.852.187.415</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	131.297.727	96.490.051
Chiết khấu thanh toán	43.165.271	122.279.477
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>	<b>204.462.998</b>	<b>242.769.528</b>

### 25. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí lãi vay	8.257.500	50.737.644
Chiết khấu thanh toán nhanh	257.543.100	406.747.064
<b>Cộng</b>	<b>265.800.600</b>	<b>457.484.708</b>

### 26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân công	674.332.144	797.528.099
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.067.386	39.067.386
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	326.144.000	42.495.000
Các khoản khác	571.430.571	555.132.556
<b>Cộng</b>	<b>1.610.974.101</b>	<b>1.434.223.041</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân công	203.373.164	252.985.324
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	67.467.727	60.493.092
Chi phí khấu hao	43.629.186	48.403.458
Các khoản khác	201.064.444	223.978.585
<b>Cộng</b>	<b>515.534.521</b>	<b>585.860.459</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 27. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chênh lệch thừa tiền bán hàng	3.393.990	-
Xử lý kiểm kê	-	1.402.153
Các khoản khác	6.256.161	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.650.151</b>	<b>5.402.153</b>

### 28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	552.795.745	719.113.979
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(6.911.019)	828.000
- Điều chỉnh tăng	23.088.981	24.828.000
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.288.981	5.028.000
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	19.800.000	19.800.000
- Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	30.000.000	24.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	545.884.726	719.941.979
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>109.176.945</b>	<b>143.988.396</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	109.176.945	143.988.396

### 29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	443.618.800	575.125.583
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	443.618.800	575.125.583
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>403</b>	<b>523</b>

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nhân công	877.705.308	1.044.654.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.696.572	87.470.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	482.327.473	470.275.649
Chi phí khác bằng tiền	683.779.269	417.682.584
<b>Cộng</b>	<b>2.126.508.622</b>	<b>2.020.083.500</b>

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

### 32. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Toàn bộ số dư nợ vay của Công ty đều là vay cán bộ công nhân viên với mức lãi suất thoả thuận và ổn định; Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả hàng hóa mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	11.513.145.372	-	11.513.145.372
Vay và nợ thuê tài chính	386.562.030	-	386.562.030
<b>Cộng</b>	<b>11.899.707.402</b>	<b>-</b>	<b>11.899.707.402</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	2.938.084.414	-	2.938.084.414
Chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	358.836.820	-	358.836.820
<b>Cộng</b>	<b>3.336.921.234</b>	<b>-</b>	<b>3.336.921.234</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.554.893.864	-	1.554.893.864
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	9.152.075.374	-	9.152.075.374
Phải thu về cho vay	1.767.200.677	14.430.222	1.781.630.899
Phải thu khác	293.266.947	-	293.266.947
<b>Cộng</b>	<b>12.767.436.862</b>	<b>742.350.222</b>	<b>13.509.787.084</b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>01/01/2017</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.038.454.287		8.038.454.287
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	3.566.645.516	-	3.566.645.516
Phải thu về cho vay	475.330.142	18.754.231	494.084.373
Phải thu khác	334.500.447	-	334.500.447
<b>Cộng</b>	<b>12.414.930.392</b>	<b>746.674.231</b>	<b>13.161.604.623</b>

### 33. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

#### b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

<u>Nội dung</u>	<u>6 tháng đầu năm 2017</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	7.328.864.134	8.165.064.269
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	145.211.065	182.040.526
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	602.165.981	854.869.436
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách hỗ trợ, sách tham khảo	8.408.692.847	8.083.858.419



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>
Thu nhập Ban Giám đốc	126.892.999	166.370.115
Thù lao Hội đồng quản trị	33.800.000	49.400.000

**34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**35. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Văn So**

**Nguyễn Khoa Tuyển**

**Nguyễn Khoa Tuyển**

*Bình Thuận, ngày 20 tháng 07 năm 2017*